

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41/2021/KDTM -ST**

Ngày: 14/7/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Các Hội thẩm nhân dân

Bà Hoàng Thị Thoa
Ông Đặng Như Hùng
Ông Đào Văn Hoan
Bà Trần Thị Huyền Trang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST- KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-KDTM ngày 18/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ trụ sở: Thôn M, xã M, huyện S, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang C – Giám đốc
(Ông C có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H, địa chỉ CH 2 –HH3A L, phường H, quận H, Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020) ông H vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần P

Địa chỉ trụ sở: Số 21, phố N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thu H – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hồng N, HKTT số 21, ngõ T, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ hiện nay: Số 9A, X, P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/12/2020); Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/9/2019, Công ty TNHH K (gọi tắt là “**Công ty K**”) do ông Phạm Quang C - Giám đốc làm đại diện và Công ty cổ phần P (Gọi tắt là “**Công ty P**”) do ông Vũ Trường S - giám đốc ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 289/HĐNT/2019/KC - P (gọi là “**Hợp đồng 289**”) trong việc mua bán vật tư thi công công trình xây dựng nhà liền kề biệt thự thuộc dự án VINCITY OCEANPARK tại xã Đa Tốn và xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Theo nội dung Hợp đồng này, Công ty K bán vật liệu xây dựng là gạch đặc A1, Cát đen xây, xi măng Visai PCB30 và xi măng Bút Sơn PCB30 cho Công ty P; Đơn giá, khối lượng được quy định cụ thể trong Điều 2 của Hợp đồng. Ngoài ra Hợp đồng còn quy định cụ thể các điều khoản khác như phương thức thanh toán (Điều 4), tại khoản 4.3 quy định về quá thời hạn thanh toán “Nếu quá thời hạn thanh toán kể từ ngày cuối cùng gửi công nợ mà bên A không thanh toán cho bên B thì phải chịu lãi 1,5% trên tổng công nợ cho đến khi bên A thanh toán hết công nợ”

Quá trình thực hiện Hợp đồng số 289 Công ty K đã cung cấp các loại vật tư xây dựng theo đúng Hợp đồng mua bán cho Công ty P, sau mỗi lần giao hàng hai bên có biên bản đối chiếu khối lượng và đối chiếu công nợ, Công ty K đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P tại các thời điểm đối chiếu, tổng giá trị hàng hóa Công ty K đã cung cấp cho Công ty P là 1,202,371,000đồng, Công ty P thanh toán trả Công ty K được một phần nợ. Đến ngày 18/02/2020, Công ty K và ông Vũ Trường S giám đốc Công ty P đã đối chiếu giá trị công nợ, Công ty P xác nhận tính đến ngày 18/02/2020 số nợ tiền hàng hóa chưa thanh toán trả Công ty K là 750,371,000đồng. Ngày 25/5/2020 Công ty P thanh toán trả thêm Công ty K số tiền 50,000,000đồng, giá trị công nợ còn lại là 700,371,000đồng.

Sau ngày 25/5/2020, Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty P thanh toán nốt khoản nợ nêu trên nhưng Công ty P đều lần tránh trách nhiệm trả nợ. Việc Công ty P không trả tiền còn nợ theo Hợp đồng 289 và đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty K.

Công ty K đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân giải quyết, buộc Công ty P phải thanh toán trả Công ty K số tiền nợ gốc tính đến ngày 14/7/2021 là 700,371,000đồng. Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng 289 là 1,5% trên tổng công nợ, nhưng Công ty K chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả với mức 10%/năm theo quy định tại Bộ luật dân sự kể từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2021 là 79,780,822đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 780,151,822đồng. Ngoài ra Công ty K không có yêu cầu gì khác.

Đại diện của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Đại diện bị đơn xác nhận ngày 18/9/2019, Công ty TNHH K (gọi tắt là “Công ty K”) do ông Phạm Quang C - Giám đốc làm đại diện và Công ty cổ phần P (Gọi tắt là “Công ty P”) do ông Vũ Trường S - Giám đốc ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 289/HĐNT/2019/KC-P (gọi là “Hợp đồng 289”) trong việc mua

bán vật tư thi công công trình xây dựng nhà liền kề biệt thự thuộc dự án VINCITY OCEANPARK tại xã Đa Tốn và xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Các điều khoản được quy định cụ thể trong Hợp đồng 289 đúng như Công ty K đã nêu.

Bị đơn xác nhận hai bên đã ký các biên bản đối chiếu khối lượng, đối chiếu công nợ, Công ty K xuất đầy đủ hóa đơn theo Biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên khi tính toán công nợ, Công ty K tính toán với đơn giá trong hợp đồng mua bán hàng hóa lớn hơn thực tế, những giai đoạn đầu do công trường nhiều việc nên các bộ phận trong Công ty P không theo dõi được hết công nợ nhưng vẫn thanh toán trả cho Công ty K. Theo biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty K do ông Phạm Quang C ký và Công ty P do ông Vũ Trường S ký, hai bên xác nhận giá trị công nợ còn lại tính đến ngày 18/02/2020 còn nợ Công ty K số tiền 750,371,000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty P không đồng ý với biên bản đối chiếu công nợ hai bên đã ký ngày 18/02/2020, Công ty P cho rằng đã thanh toán trả cho Công ty K 02 lần bằng tiền mặt cụ thể ngày 28/11/2019 trả 30,000,000đồng, ngày 20/12/2019 trả 100,000,000đồng nhưng phía Công ty K không đối trừ với số công nợ mà vẫn yêu cầu Công ty P phải thanh toán trả 750,371,000đồng là không đúng. Kể từ thời điểm ký biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/02/2020 đến ngày 25/5/2020, Công ty P xác nhận thanh toán trả Công ty K thêm 50,000,000đồng.

Nay Công ty K khởi kiện Công ty P phải thanh toán trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng 289 tính đến ngày 25/5/2020 là 700,371,000đồng (tiền gốc) và số tiền lãi, Công ty P chỉ đồng ý trả Công ty K số tiền gốc còn nợ lại là 370,767,000đồng theo cách tính công nợ của phía Công ty P và số tiền lãi chậm trả được tính trên sự nợ gốc 370,767,000đồng. Ngoài ra Công ty P không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ, ngoài ra theo Hợp đồng mua bán hai bên ký kết hai bên thỏa thuận về việc thanh toán, theo đó Công ty P phải đặt cọc trước tiền mua hàng hóa 100,000,000đồng cho Công ty K tuy nhiên khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ đã trừ đi khoản tiền đặt cọc ban đầu, số tiền xác nhận công nợ cuối cùng không còn số tiền đặt cọc nữa. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 14/7/2021 là 700,371,000đồng, đối với số tiền lãi chậm trả Công ty K tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm/365 ngày, tính từ ngày 25/5/2020 đến ngày 14/7/2021 là 79,780,822đồng. Tổng cộng cả gốc, lãi là 780,151,822đồng. Ngoài ra Công ty K không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, việc tiến hành công

khai chứng cứ, hòa giải, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát tuân thủ đúng thời gian, đầy đủ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Điều 227, 357, 468 BLDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K đối với Công ty cổ phần P.

2. Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán trả cho Công ty TNHH K tổng số tiền tính đến ngày 14/7/2021 là 780,151,822đồng; trong đó nợ gốc 700,371,000đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 79,780,822đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH K và Công ty cổ phần P đều có đăng ký kinh doanh, việc ký Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 289/HĐNT/2019/KC-P ngày 18/9/2019 đều có mục đích lợi nhuận. Nay Công ty K khởi kiện Công ty P về việc thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng đã ký nên xác định đây tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật dân sự 2015.

Thời điểm Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý vụ án, bị đơn có đăng ký kinh doanh tại địa bàn Quận Thanh Xuân, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Công ty K và Công ty P có biên bản đối chiếu khối lượng, biên bản đối chiếu công nợ lập vào ngày 18/02/2020, xác nhận số tiền Công ty P phải trả cho Công ty K là 750,371,000đồng. Ngày 16/6/2020 Công ty K nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty P thanh toán tiền nợ. Như vậy, đơn khởi kiện của Công ty K nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2017.

[1.3] Việc vắng mặt của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã có bản tự khai, tham gia phiên đối chất. Công ty P và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của Công ty P đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ nhất, đại diện bị đơn vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] *Về hiệu lực của hợp đồng*: Ngày 28/9/2019, Công ty K và Công ty P đã ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 289/HĐNT/2019/KC-P về việc Công ty K cung cấp vật tư xây dựng cho Công ty P để thi công công trình xây dựng nhà liền kề biệt thự thuộc dự án VINCITY OCEANPARK tại xã Đa Tốn và xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Việc ký kết hợp đồng là đúng thẩm quyền, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn thanh toán nợ gốc*:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng 289, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 700,371,000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình thực hiện Hợp đồng 289, Công ty K đã thực hiện việc cung cấp hàng hóa là vật liệu xây dựng theo đúng quy định trong hợp đồng, sau mỗi lần cung cấp hàng hóa hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và đối chiếu công nợ sau đó Công ty K xuất hóa đơn GTGT tương ứng với khối lượng hai bên xác nhận. Cụ thể hai bên đã ký 05 lần ký biên bản đối chiếu khối lượng và biên bản đối chiếu công nợ. Ngày 18/02/2020, hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ lần cuối cùng (đợt 5), Công ty P xác nhận còn nợ Công ty K 750,371,000đồng. Xét thấy thời điểm hai bên ký đối chiếu công nợ, hai bên không bị lừa dối, ép buộc và đều thống nhất số tiền còn nợ phải thanh toán nên xác định số tiền còn nợ được hai xác nhận theo biên bản đối chiếu công nợ là hoàn toàn có căn cứ và có giá trị bắt buộc thi hành.

Đối với quan điểm của đại diện theo ủy quyền của bị đơn về số tiền nợ gốc: Công ty P xác nhận Biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 18/02/2020, số tiền nợ còn lại được hai bên chốt là 750,371,000đồng, tại bản tự khai và biên bản đối chất đại diện bị đơn không đồng ý với số tiền nợ nêu trên, Công ty P cho rằng số tiền Công ty P chỉ còn nợ Công ty K là 370,767,000đồng bởi Công ty P đã có hai lần chuyển khoản đến tài khoản của ông Nguyễn Quang C giám đốc Công ty K gồm tài khoản của Phó giám đốc Nguyễn Khắc Đ chuyển 28/11/2019 ngày là 30,000,000đồng và tài khoản Lê Thị Y chuyển ngày 20/12/2019 là 100,000,000đồng nhưng Công ty K không đối trừ với số tiền còn nợ là hành vi cố tình gian dối ép buộc Công ty P thanh toán quá giá trị thực tế.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã tiến hành đối chiếu đầy đủ khối lượng và ký biên bản đối chiếu công nợ tương ứng với khối lượng hàng hóa do Công ty K đã cung cấp. Tại biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng, hai bên xác nhận tính đến ngày 18/02/2020 Công ty P còn nợ Công ty K 750,371,000đồng, đến ngày 25/5/2020 Công ty P xác nhận thanh toán trả cho Công ty K 50,000,000đồng sau đó Công ty P không thanh toán trả Công ty K thêm lần nào nữa. Theo cung cấp của Công ty P về việc thanh toán hai lần cuối cùng vào ngày 28/11/2019 và ngày 20/12/2019 với số tiền 130,000,000đồng và đề nghị được đối trừ vào số tiền còn nợ 750,371,000đồng. Xét thấy thời điểm Công ty P thanh toán trả Công ty K số tiền 130,000,000đồng là thời điểm trước khi hai bên thực hiện đối chiếu công nợ, sau khi hai bên đối chiếu công nợ ngày 18/02/2020, Công ty P chỉ thanh toán trả Công ty K thêm 50,000,000đồng, ngoài ra Công ty P không xuất trình được tài liệu chứng cứ thanh toán nào khác sau ngày 25/5/2020. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty K về việc buộc Công ty P phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng 289 tính đến ngày xét xử là 700,371,000đồng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận, cần buộc Công ty P phải thanh toán trả cho Công ty K toàn bộ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng 289 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2021 là 700,371,000đồng.

[2.3]. *Xét yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền gốc từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2021 với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: $(700,371,000\text{đồng} \times 10\%/năm) / 365$ ngày là 79,780,822đồng.

Xét thấy, theo quy định tại điều 306 Luật thương mại quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Theo thỏa thuận về mức phạt lãi suất do chậm thanh toán quy định tại Điều 4.3 Điều 4 của Hợp đồng 289: “*Nếu quá 30 ngày kể từ ngày cuối cùng gửi công nợ mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên A phải chịu lãi 1,5% trên tổng công nợ cho đến khi bên A thanh toán hết công nợ. Lãi suất tự động sẽ được bên B tính khi bên A không thực hiện đúng như cam kết trong hợp đồng*”.

Như vậy, trong hợp đồng 289 hai bên đã quy định mức lãi suất chậm trả, tuy nhiên Công ty K chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm nghĩa là thấp hơn mức lãi suất được quy định trong hợp đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn, thể hiện sự tự nguyện, và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc Công ty P phải trả tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty K tính đến ngày 14/7/2021 là 79,780,822đồng.

Từ những căn cứ trên, buộc Công ty P phải thanh toán trả Công ty K số tiền nợ theo Hợp đồng 289 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2021, tổng cộng là

780,151,822đồng (trong đó nợ gốc 700,371,000đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 79,780,822đồng).

[3]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 306, 319 Luật thương mại 2017;

- Khoản 1 điều 30; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K đối với Công ty cổ phần P.

[2]. Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán trả cho Công ty TNHH K tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/7/2021 là 780,151,822đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu một trăm năm một nghìn tám trăm hai hai đồng*); trong đó nợ gốc 700,371,000đồng (*Bảy trăm triệu ba trăm bảy một nghìn đồng*); nợ lãi chậm thanh toán là 79,780,822đồng (*Bảy chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được Thi hành án có đơn xin thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Công ty cổ phần P phải chịu 35,206,073đồng án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16,000,000đồng theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số 0000820 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)